

Số: 402/2025/QĐST-HNGĐ

Tân Phú, ngày 12 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 384/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Phạm Văn S, sinh năm 1983;

Số CCCD: 001083050258; ngày cấp: 01/11/2023; nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú/tạm trú: 519/27/13 Á, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1985;

Số CCCD: 079185011455; ngày cấp: 12/01/2022; nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú/tạm trú: D Á, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn S và bà Trần Thị Mỹ H và tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 262, quyển số 03/2013 ngày 28/11/2013.

Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống không còn phù hợp. Nay hai bên nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Phạm Văn S và bà Trần Thị Mỹ H và cùng khai có 02 con chung tên Phạm Trần Đăng K, sinh ngày 07/6/2014; Phạm Trần Khả H1, sinh ngày 20/01/2018. Khi ly hôn ông S và bà H thỏa thuận bà H trực tiếp

nuôi hai con chung, ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi con chung 5.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7/2025 cho đến khi các con chung lần lượt trưởng thành.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Ông Phạm Văn S và bà Trần Thị Mỹ H và cùng khai không có tài sản chung.

[4] Về các vấn đề khác: Ông Phạm Văn S và bà Trần Thị Mỹ H và cùng khai không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn S và bà Trần Thị Mỹ H thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Phạm Văn S và bà Trần Thị Mỹ H (theo theo Giấy chứng nhận kết hôn số 262, quyển số 03/2013 ngày 28/11/2013 cấp tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Mỹ H trực tiếp nuôi hai con chung tên Phạm Trần Đăng K, sinh ngày 07/6/2014 và Phạm Trần Khả H1, sinh ngày 20/01/2018. Ông Phạm Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi con chung 5.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7/2025 cho đến khi các con chung lần lượt trưởng thành.

+ Ông Phạm Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Phạm Văn S và bà Trần Thị Mỹ H cùng khai không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Ông Phạm Văn S và bà Trần Thị Mỹ H cùng khai không có nợ chung.

2. Lệ phí giải quyết về yêu cầu hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Văn

S và bà Trần Thị Mỹ H và phải chịu lệ phí ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do ông Phạm Văn S và bà Trần Thị Mỹ H đã nộp theo Biên lai thu số 0078480 ngày 15/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tuyết Nhung